TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2026/HS-ST
Ngày 05-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Phương Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hường.

Ông Trịnh Xuân Đông.

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 191/2026/TLST-HS, ngày 15 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2 11/2026/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1987 tại tỉnh Bắc Ninh; Căn cước công dân số: 024087001639; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố S, phường N, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1963 và bà Lê Thị T, sinh năm 1961; có vợ là Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 21-01-2026, chuyển sang tạm giam ngày 24-01-2026 đến ngày 20-4-2026 được bảo lĩnh cho tại ngoại đến nay, có mặt.

2. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1985 tại tỉnh Bắc Ninh; Căn cước công dân số: 024085020207; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1949; có vợ là Nguyễn Thị C2, sinh năm 1985 và 02

con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12-11-2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy tại Bản án số 82/2013/HSST; ngày 09-5-2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 25/2018/HSST; đều đã chấp hành xong; bị tạm giữ từ ngày 21-01-2026, chuyển sang tạm giam ngày 24-01-2026 đến ngày 20-4-2026 được bảo lĩnh cho tại ngoại đến nay, có mặt.

3. Hoàng Văn H1, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2004 tại tỉnh Lạng Sơn; Căn cước công dân số: 020204005813; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H2, sinh năm 1983 và bà Triệu Thị B, sinh năm 1982; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 21-01-2026, chuyển sang tạm giam ngày 24-01-2026 tại Phân trại tạm giam T, Công an tỉnh L đến nay, có mặt.

4. Phùng Văn T2, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1998 tại tỉnh Lạng Sơn; Căn cước công dân số: 020098004523; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T3 (đã chết) và bà Nông Thị G, sinh năm 1963; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 21-01-2026, chuyển sang tạm giam ngày 24-01-2026 tại Phân trại tạm giam T, Công an tỉnh L đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố S, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T5. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Bích H3 - Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hoàng H4, sinh năm 1983, Trưởng phòng cấp cao, Trưởng phòng thu nợ; địa chỉ: P tầng A, S, số F, đường L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ, ngày 19-01-2026 tại khu vực thôn Bản Luận, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Lực lượng chức năng phát hiện xe ô tô hiệu Vios màu vàng, BKS 98A-502.71 và xe ô tô hiệu Honda City màu xanh, BKS: 98A-596.99 di chuyển từ nội địa ra biên giới và dừng lại, lúc này có 04 người đàn ông từ xe ô tô BKS

98A-502.71 mở cửa xuống sang 02 xe mô tô đang đợi sẵn. Lực lượng chức năng yêu cầu dừng xe kiểm tra thì xe ô tô BKS 98A-502.71 đột ngột bỏ chạy về hướng phường K, xe ô tô BKS: 98A-596.99 đi về hướng biên giới và quay lại về hướng phường K. Tổ công tác giữ được 01 người lái xe mô tô và 03 người Trung Quốc, 01 người lái xe mô tô còn lại đi về hướng xã C, tỉnh Lạng Sơn. Tiến hành lấy lời khai người đàn ông lái xe mô tô tự khai họ tên là Hoàng Văn H1, sinh năm 2004, trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn cùng Phùng Văn T2, sinh năm 1988, trú cùng thôn được người khác thuê chở người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, tiền công là 500.000 đồng/người.

Đối với 03 người Trung Quốc gồm: *Dương Gia P* (*Yang Jia F),* sinh ngày 15-10-2000 trú tại tỉnh Quý Châu, Trung Quốc; *Triệu Siêu H5 (Zhao C),* sinh ngày 12-10-1983; *Vương Hữu L (Wang Y),* sinh ngày 29-10-1998 cùng trú tại tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Cả ba cùng khai nhận bản thân nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc sang M, Lào sau đó vào Việt Nam để kiếm việc làm, nay có nhu cầu về nước, qua liên hệ với các đối tượng môi giới được xe đón tại tỉnh Hưng Yên đưa đến biên giới tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép về Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ.

Đối với xe ô tô BKS 98A-502.71 sau khi bỏ chạy đến địa phận xã N, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng bắt giữ. Lái xe khai họ tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 03-3-1985, trú tại: Tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Bắc Ninh; xe ô tô BKS: 98A-596.99 bỏ chạy đến địa phận xã T, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng bắt giữ. Lái xe khai họ tên là Nguyễn Văn C, sinh năm 1987, trú tại: Xóm L, phường N, tỉnh Bắc Ninh. Đối với Phùng Văn T2, khoảng 20 giờ ngày 20-01-2026, lực lượng chức năng truy tìm và phát hiện T2 đang lẩn trốn tại khối B, phường K, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình điều tra xác định:

**** Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn H***

Năm 2021, Nguyễn Văn C mua và sử dụng xe ô tô hiệu Honda City, BKS 98A-596.99 làm nghề lái xe taxi. Khoảng 12 giờ 50 phút, ngày 18-01-2026, thông qua mạng xã hội Nguyễn Văn C được người sử dụng tài khoản Zalo tên "GSM T2" liên hệ thuê chở 04 khách Trung Quốc không có giấy tờ từ tỉnh Hưng Yên đến tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tiền công là 5.000.000 đồng/chuyến. Nguyễn Văn C đồng ý và gọi điện cho Nguyễn Văn H nói lại nội dung trên, tiền công trả là 4.000.000 đồng/chuyến, Nguyễn Văn H đồng ý. Nguyễn Văn C cho biết là sẽ đi lên Lạng Sơn trước trông đường và gửi số điện thoại 0777.052.790 qua Zalo cho Nguyễn Văn H để liên hệ đón khách. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn C điều khiển xe ô tô BKS 98A-596.99 một mình lên Lạng Sơn, khoảng 18 giờ 30 phút, Nguyễn Văn H điều khiển xe ô tô BKS 98A-502.71 đến tỉnh Hưng Yên liên lạc với số điện thoại mà Nguyễn Văn C đã cho trước đó và được người này chỉ địa điểm đón khách tại gần ga L, thuộc xã L, tỉnh Hưng Yên. Đến nơi, Nguyễn Văn H đọc biển số xe và nơi đỗ thì có 04 người Trung Quốc đi đến, lên xe sau đó Nguyễn Văn H quay video lại gửi cho Nguyễn Văn C thông báo đã đón được khách rồi Nguyễn Văn H điều khiển xe đi Lạng Sơn.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn C gặp nhau tại khu vực phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Lúc này Nguyễn Văn C điều khiển xe đi trước dẫn đường, Nguyễn Văn H chở 04 người Trung Quốc theo sau cùng đi về hướng biên giới xã B, tỉnh Lạng Sơn. Khi cả hai đến gần cây xăng H6 thì Nguyễn Văn C phát hiện có 02 xe mô tô đi ngược chiều, khi thấy xe của Nguyễn Văn H thì 02 xe máy quay đầu lại đi song song với xe của Nguyễn Văn H và ra tín hiệu dừng xe. Lúc này Nguyễn Văn H dừng lại và cho 04 người Trung Quốc xuống xe để chuyển sang xe máy rồi đi tiếp khoảng 10m thì quay xe về hướng phường K, lúc này Nguyễn Văn C gọi điện cho Nguyễn Văn Hải B1 là xe máy và người Trung Quốc đã bị bắt giữ, nghe điện xong Nguyễn Văn H tăng tốc bỏ chạy về hướng Hà Nội theo đường Q mới, còn Nguyễn Văn C bỏ chạy theo đường Quốc lộ 1A cũ. Khi Nguyễn Văn H đi đến địa phận xã N thì bị lực lượng chức năng bắt giữ, Nguyễn Văn C đi đến địa phận xã T, tỉnh Lạng Sơn thì bị bắt giữ.

**** Hành vi phạm tội của Hoàng Văn H1 và Phùng Văn T2***

Khoảng 16 giờ, ngày 19-01-2026, Phùng Văn T2 nhận được tin nhắn của tài khoản zalo tên "Q1 neto" cho biết khoảng 23 giờ cùng ngày có 04 người Trung Quốc không có giấy tờ cần đưa từ khu vực gần cây xăng H6 đến khu vực đường bê tông gần mốc biên giới 1176 thuộc thôn N, xã B để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tiền công sẽ trả cao nhưng chưa nói cụ thể, Phùng Văn T2 đồng ý. Sau đó, Phùng Văn T2 gọi điện cho Hoàng Văn H1 nói lại nội dung đi chở người Trung Quốc, tiền công là 500.000 đồng/người, mỗi người chở 02 người, H1 đồng ý.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Phùng Văn T2 sử dụng xe mô tô BKS 29H1-189.47, Hoàng Văn H1 sử dụng xe mô tô BKS 12AA-203.48 cùng đi từ thôn N, xã B ra cây xăng H, trên đường đi, tài khoản "Quân neto" gọi điện báo có 02 xe ô tô đang chở người đi vào, xe đi trước là xe trông đường, xe chở người đi phía sau. Phùng Văn T2 và Hoàng Văn H1 đi được một đoạn thì gặp 02 xe ô tô ngược chiều, cả hai cùng quay xe đuổi theo và đi song song cùng xe phía sau, bật đèn xi nhan ra hiệu dừng xe. Khi ô tô dừng lại, có 02 người Trung Quốc mở cửa đi xuống rồi lên xe máy Hoàng Văn H1 ngồi, Hoàng Văn H1 đi được một đoạn thì bị lực lượng chức năng bắt giữ; 02 người đàn ông còn lại ngồi lên xe Phùng Văn T2, khi một người ngồi lên xe, thấy lực lượng chức năng nên Phùng Văn T2 tăng ga bỏ chạy về hướng biên giới, người còn lại không kịp chở. Khi chạy đến địa phận xã B thì Phùng Văn T2 nhắn tin cho "Quân neto" thông báo những người Trung Quốc đã bị bắt thì người này bảo Phùng Văn T2 chạy trốn. Phùng Văn T2 cho người Trung Quốc xuống xe sau đó điều khiển xe máy vào hướng biên giới lẩn trốn. Đến khoảng 20 giờ ngày 20-01-2026, lực lượng chức năng truy tìm và phát hiện Phùng Văn T2 đang lẩn trốn tại khối B, phường K, tỉnh Lạng Sơn như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 96/CT-VKSLS-P2 ngày 14-7-2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H,

Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2 về tội "*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Bà Lê Thị T trình bày: Bà là mẹ của bị cáo Nguyễn Văn C, khi bị cáo Nguyễn Văn C bị bắt có thu giữ 01 điện thoại Iphone X cũ, điện thoại đó là của bà, bà cho cháu trai mượn để chơi điện tử, do cháu trai chơi nhiều nên đã bị bố thu máy, nay bà đề nghị được xin lại tài sản trên do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do sức khỏe tuổi già không đi lại được nên bà xin xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị C2 trình bày: Bà là vợ của bị cáo Nguyễn Văn H, vào khoảng tháng 4/2022, bà và chồng bà là bị cáo Nguyễn Văn H có mua 01 chiếc ô tô hiệu Toyota Vios E biển kiểm soát 98A-502.71 bằng hình thức trả góp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T5, tính đến nay vợ chồng bà vẫn còn nợ tiền Công ty chưa trả hết. Đây là tài sản chung của vợ chồng bà, bà không biết chồng bà đã mang tài sản đi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Bà đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T5 có người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Hoàng H4 trình bày: Chiếc ô tô hiệu Toyota Vios E biển kiểm soát 98A-502.71 hiện nay đang là tài sản thế chấp cho khoản vay 420.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1000702932, giải ngân ngày 27-4-2022 giữa ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị C2 với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T5, chiếc xe trên đã được đăng ký biện pháp bảo đảm bằng hình thức thế chấp tài sản là phương tiện giao thông. Tính đến ngày 28-7-2026, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị C2 còn nợ Công ty số tiền 213.854.278 đồng (trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 1.871.558 đồng; lãi quá hạn là 1.871.558 đồng). Việc ông Nguyễn Văn H sử dụng xe vào mục đích vi phạm pháp luật là chưa được sự đồng ý của Công ty. Công ty đề nghị Tòa án bàn giao lại tài sản trên cho Công ty để cấn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị C2. Do công việc bận nên không thể tham gia phiên tòa được, phía Công ty xin được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, các bị cáo thừa nhận bản thân làm nghề lái xe tự do và chở khách khi có yêu cầu nhưng nhất thời vì vụ lợi mà chở 04 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, từ Hưng Yên về đến cửa khẩu L1, nếu vụ việc trót lọt bị cáo Nguyễn Văn C sẽ nhận được tiền công là 1.000.000 đồng/chuyến, bị cáo Nguyễn Văn H nhận được tiền công là 4.000.000 đồng/chuyến, bị cáo Hoàng Văn H1 nhận được tiền công là 500.000 đồng/chuyến/người, bị cáo Phùng Văn T2 nhận được tiền công là 500.000 đồng/chuyến/người, tuy nhiên chưa nhận được tiền công thì các bị cáo đã bị bắt. Các bị cáo không phải là người tìm kiếm, môi giới và tổ chức để họ qua biên giới xuất cảnh, mà chỉ là người tiếp nhận mục đích của người khác giúp họ tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép ra

khỏi lãnh thổ Việt Nam. Các bị cáo đề nghị được xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2 phạm tội "*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*".

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng đến 03 (năm) tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05-8-2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05-8-2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H1. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-01-2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phùng Văn T2. Xử phạt bị cáo Phùng Văn T2 từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-01-2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2.

Về vật chứng: Các bị cáo dùng xe ô tô, xe máy, điện thoại vào việc chở 04 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, đều liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu S; trả lại tài sản, giấy tờ cho bị cáo, cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không dùng vào việc phạm tội. Tài liệu khác sẽ lưu trữ theo hồ sơ vụ án. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Trong phần tranh luận, các bị cáo nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận. Riêng bị cáo Nguyễn Văn H có ý kiến đề nghị được hóa giá chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, sau đó trả tiền cho Công ty TNHH MTV T5, 50% phần tài sản của vợ bị cáo thì trả lại cho vợ bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày đã ăn năn hối hận về hành vi của mình; bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

cho các bị cáo được hưởng án treo; bị cáo Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vì mục đích vụ lợi, ngày 19-01-2026 tại khu vực thôn Bản Luận, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn H1 và Phùng Văn T2 đang đưa 04 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép để nhận tiền công thì bị phát hiện, bắt giữ. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu được thu thập hợp pháp khác có trong hồ sơ được chấp nhận. Hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội "*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của N1, gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Để có mức hình phạt phù hợp, cần đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2 không có tiền án tiền sự, chưa bị xét xử, xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật, như vậy các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C, tại trích lục tiền án tiền sự bị cáo có hành vi Đánh bạc, tuy nhiên xác minh tại Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là Công an tỉnh B) thì không lưu giữ tài liệu nào đối với hành vi vi phạm đánh bạc của Nguyễn Văn C do đó xác định bị cáo Nguyễn Văn C không có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, năm 2013 và 2018 đã bị xét xử về tội liên quan đến ma túy, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nên không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định khung, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình lấy lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bố bị cáo Nguyễn Văn C là ông Nguyễn Văn C1 có Huy chương kháng chiến hạng nhì; mẹ bị cáo Nguyễn Văn H là bà Nguyễn Thị Q có Huy chương kháng chiến hạng nhì nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, bị cáo Nguyễn Văn C hiện nay đã ly hôn, đang trực tiếp nuôi 03 con nhỏ; bị cáo Nguyễn Văn H có vợ và 02 con, hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình nên khi lượng hình cần xem xét đến hoàn cảnh của các bị cáo. Đối với bị cáo Phùng Văn T2 và Hoàng Văn H1 là người dân tộc thiểu số, tuy nhiên, bản thân gia đình các bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo; các bị cáo đều có trình độ học vấn 12/12 và thừa nhận nhận thức đầy đủ về hành vi phạm tội của mình nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội (bị cáo Hoàng Văn H1 đã tháo biển số xe trước khi thực hiện hành vi phạm tội nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng). Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

[7] Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn C là người được tài khoản Zalo "GSM T2" thuê chở 04 khách Trung Quốc từ Hưng Yên lên cửa khẩu L1, bị cáo đã gọi Nguyễn Văn H chở khách, còn bị cáo là người tăm đường; bị cáo Phùng Văn T2 được tài khoản zalo tên "Q1 neto" thuê chở 04 khách Trung Quốc đón từ C4 trái phép ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, bị cáo đã rủ bị cáo Hoàng Văn H1 đi cùng. Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giúp sức cho người khác tổ chức cho các đối tượng xuất cảnh trái phép và không phải là người tổ chức, chủ mưu, khởi xướng liên lạc, dẫn dắt cho các đối tượng từ Việt Nam sang Trung Quốc. Bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại cơ quan, địa phương; có nơi cư trú rõ ràng; đối chiếu Văn bản số 03/VBHN-TANDTC ngày 10-7-2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính khoan hồng của Nhà nước. Đối với bị cáo Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không đủ điều kiện được hưởng án treo nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Hoàng Văn H1 và Phùng Văn T2 xác minh tại địa phương không đứng tên tài sản gì nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị

cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H xác minh tại địa phương đứng tên một mảnh đất, tuy nhiên hiện nay bị cáo đang còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T5 theo Hợp đồng tín dụng số 1000702932, khoản nợ trên đang bị quá hạn, xét thấy hoàn cảnh của bị cáo còn khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo dùng xe ô tô, xe mô tô, điện thoại vào việc chở 04 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, đều là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; trả lại tài sản, giấy tờ cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không dùng vào việc phạm tội. Tài liệu khác được lưu trữ theo hồ sơ vụ án. Đối với xe ô tô màu nâu vàng, nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A-502.71 là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C2. Xét thấy, tài sản chung vợ chồng là tài sản chung hợp nhất không chia, trường hợp bà Nguyễn Thị C2 có yêu cầu được nhận lại một phần giá trị xe thì bà có quyền khởi kiện vụ án dân sự về yêu cầu chia tài sản chung; không chấp nhận yêu cầu của Công ty T5 về việc được bàn giao tài sản trên, đối với khoản nợ mà bị cáo chưa thanh toán cho Công ty sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi Công ty có đơn yêu cầu giải quyết.

[10] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0392.910.602 có tài khoản Zalo "GSM T2" đã thuê Nguyễn Văn C chở người xuất cảnh trái phép, Cơ quan điều tra xác minh số điện thoại trên mang tên Hoàng Văn N, sinh ngày 26-7-1994; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L đã ủy thác cho Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang xác minh, làm rõ mức độ liên quan của người này đến vụ án, kết quả: Hoàng Văn N đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ cụ thể nơi tạm trú, đang làm việc. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[11] Đối với người đàn ông sử dụng tài khoản Zalo "Q1 neto" đã thuê Phùng Văn T2 chở người xuất cảnh trái phép, bị cáo không biết họ tên, địa chỉ người này, chưa được gặp trực tiếp lần nào. Trên đường bỏ chạy, Phùng Văn T2 đã xóa tài khoản Zalo, Cơ quan điều tra đã trưng cầu khôi phục dữ liệu đối với tài khoản trên nhưng không thu thập được. Do không có căn cứ để xác minh làm rõ nên không xem xét trong vụ án này.

[12] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0777.052.790 mà Nguyễn Văn C đã gửi cho Nguyễn Văn H liên lạc đón khách tại Hưng Yên, Cơ quan điều tra xác minh số điện thoại trên mang tên Nguyễn Hữu T4, sinh ngày 02-4-1996, trú tại: xã C, tỉnh Đồng Tháp. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L đã ủy thác cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ xác minh, làm rõ mức độ liên quan của người này đến vụ án, kết quả: Nguyễn Hữu T4 không có mặt tại địa phương, không xác định được nơi làm việc, vì vậy không triệu tập, ghi lời khai của Nguyễn Hữu T4. Ngày 02-6-2026, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L tiếp tục có Văn bản số 1093/ANĐT đề nghị cơ quan An ninh

điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh, tại biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2026, Nguyễn Hữu T4 cho biết không sử dụng số điện thoại 0777.052.790 và không quen biết các bị cáo trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[13] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0375.834.813 mà T2 cho Nguyễn Văn C để khi đến Lạng Sơn thì liên lạc cho người đến đón 04 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, Cơ quan điều tra xác minh số điện thoại trên mang tên Nguyễn Khắc C3, sinh ngày 20-12-1967, trú tại: Xã Q, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L đã ủy thác cho Công an xã Q, làm rõ mức độ liên quan của người này đến vụ án, kết quả: Nguyễn Khắc C3 chưa từng đăng ký và sử dụng sim điện thoại 0375.834.813 và không có quan hệ liên lạc hay quen biết 04 người Trung Quốc hay các bị cáo trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[14] Đối với 04 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép, trong đó có 03 người bị bắt giữ, quá trình điều tra xác định, do nhu cầu tìm việc làm, các đối tượng trên thông qua các đối tượng môi giới người Trung Quốc sắp xếp sang M, Lào để làm việc, nay có nhu cầu về nước nên các đối tượng môi giới đưa nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đưa đến tỉnh Hưng Yên rồi được Nguyễn Văn H đưa đến biên giới tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép về Trung Quốc. Ngày 20-01-2026, Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và trục xuất, bàn giao cho Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế H7 để trao trả cho cơ quan chức năng Trung Quốc; đối với 01 công dân Trung Quốc do Phùng Văn T2 bỏ lại tại địa phận xã B, lực lượng chức năng đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy; do không có thông tin, địa chỉ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án thì phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H1.

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phùng Văn T2

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2 phạm tội "*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*".

2. Về hình phạt

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05-8-2026.

2.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 05-8-2026.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3 Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-01-2026.

2.4 Xử phạt bị cáo Phùng Văn T2 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 21-01-2026.

2.5 Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1 Tịch thu hoá giá sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) xe ô tô màu xanh, nhãn hiệu Honda City RS, cũ, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 98A-596.99 do Nguyễn Văn C điều khiển số khung RLHGN2686RY304523; số máy L15ZC4005908; 01 (một) giấy đăng ký xe số 9800003001.

- 01 (một) xe ô tô màu nâu vàng, nhãn hiệu Toyota Vios 1.5E-CVT, cũ, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 98A-502.71 do Nguyễn Văn H điều khiển số khung RL4B28F34N5121421; số máy 2NRX826406; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định can toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 3144505.

- 01 (một) xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu Honda WaveA, cũ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 12AA-203.48, số khung RLHJA3939SY070648, số máy JA70E0906619, do Hoàng Văn H1 sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô màu đỏ đen, nhãn hiệu Honda WaveRSXC, cũ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 29H1-189.47, số khung RHJC4328BY656371, số máy JC43E6437697, do Phùng Văn T2 sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xanh, cũ, đã qua sử dụng, số máy MU7A3VN/A; số IMEI 350492190253216; bên trong lắp 01 sim điện thoại.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh, cũ, đã qua sử dụng, mặt sau điện thoại bị bong, nứt vỡ, số Imei1: 865624041785099; Imei2: 8656240041785081.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xám, cũ, đã qua sử dụng, số seri JFHKF5HW6Q1; số máy MU793VN/A; số IMEI 350091870868333; bên trong lắp 01 sim điện thoại 0879.587.666

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím, cũ, đã qua sử dụng, số Imei1: 350387750844257; Imei2: 350387750955301; bên trong chứa sim điện thoại do Hoàng Văn H1 sử dụng.

3.2. Trả lại các tài sản cho chủ sở hữu

- Trả cho bà Lê Thị T: 01 (một) điện thoại Iphone X cũ, đã qua sử dụng; số máy MQA62CH/A; Imei 354852090411691, màu trắng (không lắp sim).

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn C: 01 (một) Căn cước công dân số 024087001639 ngày 07/11/2021 mang tên Nguyễn Văn C; 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2, số 240092244098 mang tên Nguyễn Văn C.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (một) Căn cước công dân số 024085020207 ngày 09/01/2025 mang tên Nguyễn Văn H; 01 (một) giấy biên nhận thế chấp số 1000702932/9 đối với xe xe ô tô màu nâu vàng, nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 98A-502.71, tên chủ xe Nguyễn Văn H; 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2, số 270092277008 mang tên Nguyễn Văn H.

3.3. Lưu tại hồ sơ vụ án: 02 đĩa DVD lưu giữ hình ảnh, video liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Hoàng Văn H1, Phùng Văn T2 mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- CQ THAHS Công an T.Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam Thất Khê, Công an T.Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an T.Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường Nếnh, tỉnh Bắc Ninh (thay Thông báo kết quả xét xử);
- UBND xã Ba Sơn, tỉnh Lạng Sơn (thay Thông báo kết quả xét xử);
- Các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Phương Mai